TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 946/2018/ HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Bà Hoàng Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 626/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo N, cư trú tại: Số nhà H, đường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (đăng ký HKTT tại: Số nhà R, đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, cư trú tại: Số nhà R, đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thảo N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn vào ngày 14-3-2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại địa

chỉ số nhà R, đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc dẫn đến thâm nợ rất nhiều, gia đình đã nhiều lần trả nợ cho anh T nhưng anh T vẫn không từ bỏ. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 3-2017 cho đến nay, không còn liên lạc với nhau. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Hiện tại sức khỏe của chị bình thường, chị không có mang thai.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đức N (sinh ngày 20-9-2012), sức khỏe bình thường, hiện tại đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được quyền nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có nợ ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt. Tòa án đã không lấy được lời khai của anh T.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn và giao con chung cho chị N nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thảo N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Nguyễn Thị Thảo N và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q vào ngày 14-3-2011, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo lời khai của chị N và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 11-7-2018 (Bút lục số 21), mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã phát sinh từ lâu mà nguyên nhân là do anh T chơi cờ bạc thua nợ làm cho vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, chị N đã dọn ra ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh

T đến Tòa để động viên hai bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến Tòa để hòa giải, không tỏ rõ thiện chí cũng như mong muốn níu kéo, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân của mình. Chị N kiên quyết ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Tòa thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể kéo dài, nếu cứ tiếp tục duy trì thì cũng không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T.

[5] Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 20-9-2012, sức khỏe bình thường, hiện tại đang ở với mẹ. Tòa xét cháu N đã ở với chị N từ khi vợ chồng chị N ly thân cho đến nay, tình cảm mẹ con đã gắn bó, còn anh T không có sự quan tâm đến con. Cho nên, theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thảo N và anh Nguyễn Đức T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Nguyễn Thị Thảo N và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung là Nguyễn Đức N, sinh ngày 20-9-2012, đang ở với mẹ.

2.2. Giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án

hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thảo N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng. Trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009948 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND phường T, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh